

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **68/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 04/8/2023

“V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sơn Hải và ông Hoàng Thanh Nghệ

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **164/2023/TLST-HNGĐ** ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Tô Văn V., sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị S., sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Văn V. và chị Lương Thị S. về chung sống với nhau vào năm 1993, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng sinh sống và làm việc tại xã T, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 4/2023 anh Tô Văn V. có

đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị S..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Tô Văn V. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị Lương Thị S. đi làm xa nhà và có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác còn bảo anh gửi tiền cho chị về, anh đã gửi tiền để chị S. về nhà nhưng chỉ được thời gian ngắn chị S. lại bỏ đi, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, do anh chị không đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lương Thị S. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V. thường xuyên đánh chửi chị vô cớ dẫn đến phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không chịu đựng được chị mới phải ra ngoài đi làm ăn xa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, do hôn nhân không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Lương Thị S. và anh Tô Văn V. có 02 con chung là Tô Văn T., sinh ngày 06/01/1995 và Tô Hữu Th., sinh ngày 27/3/2001. Con chung đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên anh V. chị S. không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Lương Thị S. và anh Tô Văn V. đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau xong vào ngày 12/6/2023 và đã được Tòa án ra Quyết định Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án. Do vậy, anh V. chị S. không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Lương Thị S. có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lương Thị S. và anh Tô Văn V. về chung với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới anh chị sinh sống, làm việc tại Thôn B, xã T, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, sau phát sinh mâu thuẫn, có cãi chửi nhau. Sau đó chị S. đã bỏ đi làm ăn xa thì thoáng mới về. Tại sở đăng ký kết hôn do UBND xã T. lưu trữ từ năm 1993 đến nay không có tên anh Tô Văn V., sinh năm 1975 và chị Lương Thị S., sinh năm 1976 đăng ký kết hôn.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Anh Tô Văn V. và chị Lương Thị S. kết hôn vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu nhưng không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, có phát sinh mâu thuẫn, hiện anh chị sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 14, 51, 53 - Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX tuyên bố không công nhận anh Tô Văn V. và chị Lương Thị S. là vợ chồng; Về con chung, tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện anh Tô Văn Việ và chị Lương Thị S. về chung sống với nhau từ năm 1993 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn, nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh V. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lương Thị S.; không đề nghị giải quyết về con chung, tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị S. nhiều lần nhưng chị S. không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Tô Văn V. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Lương Thị S. vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tô Văn V. và chị Lương Thị S. về chung sống với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau và được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn là hôn nhân không hợp pháp. Quá trình chung sống bình thường, sau phát sinh mâu thuẫn, anh chị hiện sống ly thân. Kết quả xác minh ở địa phương thể hiện không có tên anh Tô Văn V., sinh năm 1975 và chị Lương Thị S., sinh năm 1976 đăng ký kết hôn.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng” và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này....*”. như vậy, anh V. và chị S. chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, song các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn tuyên bố Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tô Văn V. với chị Lương Thị S..

2.2. Về con chung: Anh Tô Văn V. và chị Lương Thị S. có 02 con chung là Tô Văn T., sinh ngày 06/01/1995 và Tô Hữu Th., sinh ngày 27/3/2001. Các cháu đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên anh V. chị S. không đề nghị giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét

2.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Quá trình chung sống với nhau anh Tô Văn V. và chị Lương Thị S. có xây dựng được khối tài sản chung. Quá trình giải quyết đơn anh chị đã lựa chọn Hòa giải và lựa chọn hòa giải viên tiến hành hòa giải cho anh chị để thỏa thuận với nhau về việc chia giao tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung trong vụ án ly hôn. Ngày 12/6/2023 hòa giải viên đã tiến hành hòa giải và anh chị đã thỏa thuận chia giao tài sản chung với nhau xong. Ngày 27/6/2023 Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã ra Quyết định Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án (Quyết định số 08/2023/QĐCNHGT-HNGĐ). Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Tô Văn V. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, 53 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Tô Văn V. với chị Lương Thị S..

2. Về án phí: Anh Tô Văn V. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002821 ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Anh Tô Văn V. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T.;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến

